

# CHUYÊN ĐỀ: LỊCH SỬ 10 (sách giáo khoa Cánh diều)

## CHUYÊN ĐỀ 1: CÁC LĨNH VỰC CỦA SỬ HỌC

### I. Thông sử và lịch sử theo các lĩnh vực

#### 1. Một số cách trình bày lịch sử truyền thống

- Lịch sử truyền thống thường được trình bày qua các câu chuyện lịch sử bằng lời kể, tác phẩm lịch sử thành văn.

- Câu chuyện lịch sử bằng lời kể: thường được truyền miệng trong dân gian từ đời này sang đời khác. Những câu chuyện này thường có yếu tố hoang đường, hư cấu, thần bí.....

- Tác phẩm lịch sử thành văn là công trình lịch sử được trình bày bằng chữ viết. Các tác phẩm này được trình bày theo hai cách khác nhau: *công trình ghi chép lịch sử* và *công trình nghiên cứu lịch sử*.

#### 2. Thông sử

##### a. Khái niệm

- Thông sử là cách thức trình bày lịch sử một cách có hệ thống, toàn diện về các lĩnh vực đời sống con người trong quá khứ.

##### b. Nội dung chính của thông sử

- Nội dung chính của thông sử thường tập trung vào các lĩnh vực của đời sống xã hội trong lịch sử (chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội,..), các nhân vật lịch sử, những chuyện xảy ra trong lịch sử.

#### 3. Lịch sử theo lĩnh vực

##### a. Khái quát về các lĩnh vực của lịch sử

Lịch sử được trình bày theo từng lĩnh vực khác nhau, như lịch sử chính trị, lịch sử ngoại giao, lịch sử kinh tế, lịch sử văn hóa, lịch sử tư tưởng, lịch sử xã hội....

##### b. Ý nghĩa của việc phân chia lịch sử theo lĩnh vực

- Biên soạn lịch sử theo lĩnh vực có ý nghĩa trong việc tìm hiểu chuyên sâu về các lĩnh vực trong quá khứ, giúp bổ sung và làm phong phú thêm tri thức tổng quát về lịch sử.

#### 4. Lịch sử dân tộc và lịch sử thế giới

##### a. Lịch sử dân tộc

- Lịch sử dân tộc là lịch sử của một quốc gia.

- Nội dung chính của lịch sử dân tộc là quá trình hình thành, phát triển của quốc gia - dân tộc trên các lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội,...

## **b. Lịch sử thế giới**

- Lịch sử thế giới là lịch sử chung của các quốc gia – dân tộc trên thế giới (lịch sử toàn bộ các châu lục, khu vực, các lĩnh vực trên phạm vi toàn cầu)
- Tùy theo quy mô và phạm vi nghiên cứu, các sử gia có thể viết lịch sử thế giới qua các thời kì, hoặc lịch sử từng châu lục, lịch sử khu vực..

## **II. Một số lĩnh vực của lịch sử Việt Nam**

### **1. Lịch sử văn hóa Việt Nam**

#### **a. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu**

##### **- Đối tượng**

Là tổng thể những giá trị vật chất và tinh thần của cộng đồng các dân tộc Việt Nam, nó bao gồm các thành tựu, giá trị truyền thống, phong tục, ngôn ngữ....

##### **- Phạm vi nghiên cứu**

Là toàn bộ giá trị vật chất và tinh thần, các di sản văn hóa vật thể và phi vật thể của cộng đồng các dân tộc Việt Nam từ thời nguyên thủy đến nay.

#### **b. Khái lược tiến trình lịch sử văn hoá Việt Nam**

Thời nguyên thủy : - Người Việt cổ từng bước định hình văn hóa bản địa với đặc trưng là nền văn hóanông nghiệp trồng lúa nước.

-Thời kì dựng nước thế kỷ VII TCN – 179 TCN, gắn với 3 trung tâm văn hóa, tương ứng với ba quốc gia cổ đại: Văn Lang – Âu Lạc, Chăm Pa và Phù Nam.

-Trải qua quá trình thích ứng, chế ngự thiên nhiên, các dân tộc trên lãnh thổ nước ta đã định hình ra nền văn hóa nông nghiệp lúa nước, cư trú theo làng, bản và tín ngưỡng thờ tổ tiên.....

#### **\*Thời Bắc thuộc (179TCN-938)**

- Người Việt kiên cường đấu tranh chống “đồng hóa” bảo vệ bản sắc dân tộc, đồng thời chủ động tiếp thu có chọn lọc văn hóa Trung Hoa và Ấn Độ, làm cho văn hóa của mình thêm phong phú hơn.

#### **\* Thời quân chủ độc lập (938- 1884)**

Văn hóa truyền thống của Việt Nam tiếp tục được giữ gìn và phát triển rực rỡ trên nhiều lĩnh vực với ảnh hưởng của Phật giáo, Nho giáo và nhiều tín ngưỡng dân gian.

+ Đến thế kỉ XVI văn hóa nước ta còn tiếp thu các thành tựu văn hóa phương Tây.

#### **\* Thời cận đại (1884 - 1945)**

- Văn hóa Việt Nam diễn ra quá trình giao lưu tiếp biến mạnh mẽ giữa văn hóa phương Đông – phương Tây trên nhiều lĩnh vực như: kiến trúc, trang phục, điện ảnh.....

### **\* Thời hiện đại (1945 – nay)**

- Xây dựng và phát triển dựa trên 3 nguyên tắc: Dân tộc, khoa học và Đại chúng, hướng đến nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc.

## **2. Lịch sử tư tưởng Việt Nam**

### **a Đối tượng và phạm vi nghiên cứu**

#### **- Đối tượng**

Là toàn bộ đời sống tinh thần của dân tộc Việt Nam (tín ngưỡng, tôn giáo, triết học, trường phái chính trị...)

#### **- Phạm vi nghiên cứu**

Lịch sử tư tưởng Việt Nam tập trung vào 2 lĩnh vực chính là tư tưởng chính trị và tư tưởng tôn giáo.

### **b. Khái lược tiến trình lịch sử tư tưởng Việt Nam**

#### **\* Thời nguyên thủy và buổi đầu dựng nước.**

- Là cư dân làm nông nghiệp họ tôn thờ sức mạnh tự nhiên nên tư duy đoàn kết, thống nhất dân tộc và các tín ngưỡng dân gian, thờ cúng tổ tiên, hình thành ý thức dân tộc.

#### **\* Thời kì Bắc thuộc**

- Người Việt đấu tranh chống Hán hóa, đồng thời tiếp thu có chọn lọc nhiều tư tưởng từ bên ngoài như Phật giáo, Nho giáo... từ Ấn Độ và Trung Hoa góp phần tạo nên sức mạnh đấu tranh giành lại độc lập.

#### **\* Thời kì quân chủ độc lập**

- Nho giáo là hệ tư tưởng chính thống của nhà nước phong kiến.  
+ Hình thành tư tưởng lấy dân làm gốc và trọng dụng người tài.

#### **\* Thời kì cận đại**

- Việt Nam tiếp thu các trào lưu tư tưởng dân chủ tư sản và tư tưởng chủ nghĩa Mác-Lênin  
+ Phong trào yêu nước theo khuynh hướng vô sản phát triển đưa đến thắng lợi của Cách mạng tháng Tám 1945.

#### **\* Thời kì hiện đại**

- Chủ nghĩa Mác – Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh là nền tảng tư tưởng của xã hội Việt Nam.  
→ Chủ nghĩa yêu nước và tinh đoàn kết dân tộc là yếu tố cốt lõi nhất của lịch sử tư tưởng ở Việt Nam.

## **3. Lịch sử xã hội Việt Nam**

### **a. Đối tượng của Lịch sử xã hội**

- Đối tượng nghiên cứu của Lịch sử xã hội chính là toàn bộ đời sống xã hội loài người trong quá khứ bao gồm các cấu trúc xã hội, giai cấp, các quan hệ xã hội, vai trò vị thế của cá nhân và nhóm trong xã hội.

### **b. Khái lược về lịch sử xã hội Việt Nam**

- Thời dựng nước, cộng đồng người Việt đã được tổ chức thành xã hội.

+ Đơn vị cơ sở của xã hội thời kì này là cộng đồng nông thôn gọi là làng, chiềng chạ.

+ Xã hội có sự phân hóa thành các tầng lớp: quý tộc, nông dân, nô tì.

#### **\* Xã hội Việt Nam thời Bắc thuộc**

- Người Việt bị phong kiến phương Bắc cai trị nhưng tổ chức xã hội với hình thức cộng đồng nông thôn (làng, bản...) tiếp tục được duy trì.

-Xã hội có sự phân hóa sâu sắc chia thành các tầng lớp: quan đô hộ, địa chủ người Hán; hào trưởng người Việt; nông dân; nô tì. → Mâu thuẫn xã hội gay gắt, người Việt nhiều lần nổi dậy đấu tranh giành độc lập

#### **\* Thời quân chủ độc lập**

- Các cộng đồng người Việt cùng nhau xây dựng xã hội đoàn kết và một nhà nước quân chủ tập quyền.

- Làng, xã được củng cố vững chắc trở thành các pháo đài trong chiến đấu chống ngoại xâm bảo vệ độc lập.

- Xã hội chia thành các giai cấp : Vua, quan lại, địa chủ; nông dân, nô tì.

#### **\* Thời Pháp thuộc ( thời cận đại)**

- Phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa du nhập vào Việt Nam tạo ra nhiều thay đổi trong xã hội Việt Nam.

+ Giai cấp địa chủ, nông dân bị phân hóa.

+ Ra đời 3 giai cấp mới là: công nhân, tiểu tư sản, tư sản.

#### **\* Thời hiện đại**

- Từ 1945 – 1954 tầng lớp vua quan phong kiến bị xóa bỏ, một chế độ nhà nước mới được thành lập do nhân dân lao động được làm chủ.

- 1954-1975 ở miền Bắc xã hội gồm 2 giai cấp cơ bản là công nhân, nông dân cùng với trí thức trở thành lực lượng làm chủ xã hội.

+ Ở miền Nam nhân dân lao động vẫn bị áp bức bóc lột, hăng hái tham gia kháng chiến chống Mĩ để giải phóng miền Nam.

- 1975 – 1986 đất nước được thống nhất, cả nước cùng xây dựng nhà nước xã hội chủ nghĩa, quan hệ xã hội về cơ bản không thay đổi.

-Từ 1986 -nay cơ cấu xã hội Việt Nam có nhiều thay đổi, có sự phân nhóm phức tạp hơn gồm có công nhân, nông dân, doanh nhân.....

#### **4. Lịch sử kinh tế Việt Nam**

##### **a. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu**

###### **- Đối tượng**

Bao gồm toàn bộ các hoạt động sản xuất kinh doanh, các ngành, lĩnh vực kinh tế như nông nghiệp, thương nghiệp...Các phương thức sản xuất gồm lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất.

###### **- Phạm vi nghiên cứu**

- Là quá trình hình thành phát triển, chuyển biến kinh tế qua các thời kì lịch sử

##### **b.Khái lược tiến trình lịch sử kinh tế Việt Nam**

**-Thời nguyên thủy:** Từ kinh tế săn bắt hái lượm, từng bước chuyển sang kinh tế sản xuất (chủ yếu là nông nghiệp)

**-Thời dựng nước và Bắc thuộc :** Kinh tế nông nghiệp trồng lúa nước là chủ đạo, các nghề thủ công và buôn bán từng bước phát triển.

**-Thời kì trung đại:** Kinh tế nông nghiệp và thủ công nghiệp phát triển với các nghề rèn sắt, làm gốm, dệt vải. Xuất hiện nhiều làng nghề nổi tiếng.

+ Thương nghiệp phát triển ra đời các đô thị, trung tâm buôn bán ( chợ làng, chợ huyện).

**-Thời kì cận đại:** -Nền kinh tế theo hình thức phong kiến vẫn được duy trì, tồn tại song song với kinh tế tư bản chủ nghĩa

+Thực dân Pháp chủ yếu đầu tư vào khai thác mỏ và lập đồn điền trồng cây công.

**-Thời kì hiện đại:** Từ 1945-1954 + Nền kinh tế nhà nước và kinh tế tập thể từng bước được xây dựng nhưng còn gặp nhiều khó khăn do hoàn cảnh đất nước có chiến tranh.

- Từ 1954-1975: - Miền Bắc xây dựng nền kinh tế xã hội chủ nghĩa.

-Miền Nam phát triển theo hướng kinh tế thị trường nhưng bị lệ thuộc vào Mỹ.

-Từ 1975-1986: Thực hiện mô hình kinh tế kế hoạch hóa tập trung bao cấp bộc lộ nhiều hạn chế.

-Từ 1986 - đến nay : - Việt Nam thực hiện quá trình đổi mới chuyển từ nền kinh tế tập trung bao cấp sang nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.→Kinh tế VN phát triển và hội nhập quốc tế.

#### **CÂU HỎI LUYỆN TẬP**

Câu 1. Lịch sử thường được trình bày bằng những cách nào? Nêu tóm tắt các cách trình bày lịch sử và cho ví dụ.

Câu 2. Lịch sử thường được phân chia theo những lĩnh vực nào?

Câu 3. Nội dung chính của lịch sử dân tộc và lịch sử thế giới hay đề cập đến là những vấn đề gì?

Câu 4. Hãy nêu tóm tắt về lịch sử văn hóa Việt Nam qua các thời kỳ.

Câu 5. Lập bảng khái quát đặc điểm nổi bật của lịch sử xã hội Việt Nam qua các thời kì theo gợi ý sau.

Thời kì	Đặc điểm nổi bật

## **CHUYÊN ĐỀ 2: BẢO TỒN VÀ PHÁT HUY GIÁ TRỊ DI SẢN VĂN HÓA Ở VIỆT NAM**

### **I. Di sản văn hóa**

#### **1. Khái niệm di sản văn hóa**

Di sản văn hóa là hệ thống các giá trị vật chất và tinh thần, có giá trị lịch sử, văn hóa... do một cộng đồng người sáng tạo và tích lũy trong một quá trình lịch sử lâu dài, được lưu truyền từ thế hệ trước cho thế hệ sau.

#### **2. Ý nghĩa của di sản văn hóa**

- Là tài sản quý giá của cộng đồng các dân tộc Việt Nam.
- Là một bộ phận của di sản văn hóa nhân loại, có vai trò to lớn trong sự nghiệp dựng nước và giữ nước của nhân dân ta.

- Các giá trị di sản văn hóa được thể hiện qua các phương diện sau:

- + Giá trị về khoa học, lịch sử, văn hóa
- + Giá trị về giáo dục
- + Giá trị về kinh tế
- + Giá trị về gắn kết dân tộc
- + Giá trị về hội nhập, giao lưu

#### **3. Phân loại di sản văn hóa**

- Được phân ra làm 2 loại: Di sản văn hóa phi vật thể và Di sản văn hóa vật thể.

**\*Mục đích:** Việc phân loại di sản tạo ra cơ sở khoa học và thực tiễn để nhận diện đúng giá trị di sản, làm tốt công tác bảo tồn và phát huy di sản.

#### **4. Xếp hạng di sản văn hóa.**

- **Mục đích:** xác lập cơ sở pháp lý bảo vệ di sản văn hóa, phân cấp quản lý từ trung ương đến địa phương.

- **Ý nghĩa:** có ý nghĩa thiết thực đối với sự tồn tại và việc bảo tồn, quảng bá, phát huy những giá trị di sản văn hóa trong cộng đồng.

+ Chính sách xếp hạng di sản văn hóa của Nhà nước sẽ tạo điều kiện cho cơ quan có thẩm quyền, các tổ chức xã hội, cá nhân tích cực tham gia vào công tác bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa.

## **II. Bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa.**

### **1. Mối quan hệ giữa bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa.**

#### **a. Khái niệm bảo tồn di sản văn hóa**

- Bảo tồn di sản văn hóa là việc giữ gìn nguyên dạng giá trị gốc của di sản hoặc giữ gìn sự tồn tại của di sản theo dạng thức vốn có.

#### **b. Mối quan hệ giữa bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa.**

- Bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa luôn gắn kết chặt chẽ, hướng đến mục tiêu phát triển bền vững.

- Phát huy tốt các giá trị di sản văn hóa cũng là cách để bảo tồn di sản, nâng cao ý thức trách nhiệm của xã hội đối với việc bảo vệ di sản văn hóa dân tộc.

### **2. Cơ sở khoa học, giải pháp bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa**

#### **a. Cơ sở khoa học của công tác bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa**

- Bảo tồn và phát huy giá trị di sản cần dựa trên nhiều cơ sở khác nhau bao gồm:

+ Giá trị của di sản văn hóa.

+ Thực trạng di sản văn hóa.

+ Văn bản pháp quy của nhà nước.

#### **b. Giải pháp bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa**

- Đẩy mạnh việc tuyên truyền, giáo dục ý thức bảo vệ di sản văn hóa trong cộng đồng để người dân hiểu, tự hào và trân trọng các di sản.

- Đổi mới cơ chế, chính sách bảo tồn giá trị di sản văn hóa như đầu tư cơ sở vật chất, đào tạo cán bộ am hiểu về công tác bảo tồn....

- Tăng cường các biện pháp bảo vệ di sản văn hóa như: tăng cường năng lực tổ chức, quản lý, của địa phương đối với di sản.

+ Giải quyết hài hòa giữa bảo tồn và phát triển kinh tế.

+ Xử lý kịp thời các vi phạm về công tác bảo vệ di sản.

### **3. Vai trò, trách nhiệm của các bên liên quan đối với công tác bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa.**

#### **a. Vai trò**

Di sản văn hóa là tài sản vô giá của cộng đồng do đó tất cả các tổ chức, cá nhân, cộng đồng xã hội đều có vai trò quan trọng trong công tác bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa.

#### **b. Trách nhiệm**

- Bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa là trách nhiệm chung của Nhà nước, tổ chức xã hội và công dân.

### **III. Một số di sản văn hóa tiêu biểu ở Việt Nam**

#### **1. Di sản văn hóa phi vật thể**

##### **a. Vị trí phân bố.**

- Các di sản văn hoá phi vật thể phản ánh quá trình lịch sử lâu dài và đời sống tinh thần phong phú của các cộng đồng trên đất nước Việt Nam

- Phân bố trải dài khắp đất nước ta từ Bắc vào Nam

##### **b. Một số di sản văn hóa phi vật thể tiêu biểu**

###### **\* Nhã nhạc cung đình Huế**

- ❖ Có lịch sử lâu đời, kế thừa được các thành tựu âm nhạc của dân tộc nói chung và âm nhạc cung đình Thăng Long nói riêng.
- ❖ Phản ánh quá trình giao lưu, tiếp xúc với văn hoá Trung Quốc, văn hoá Chăm-pa và tiếp thu những ảnh hưởng của Phật giáo, Nho giáo,...

###### **\* Đờn ca tài tử Nam Bộ.**

###### **❖ Giá trị lịch sử:**

- Phản ánh tâm tư tình cảm của người dân trong quá trình mở đất phương Nam.
- Ca ngợi những tấm gương anh hùng dân tộc,... đã trở thành nguồn động viên tinh thần cho nhân dân trong cuộc kháng chiến chống ngoại xâm.

###### **\* Khu trung tâm Hoàng thành Thăng Long.**

- Hoàng thành Thăng Long gắn liền với lịch sử Thăng Long - Hà Nội.
- Có tiến trình lịch sử từ thời Bắc thuộc, trải qua các triều đại Lý, Trần, Lê, Mạc, Nguyễn cho đến nay

###### **\* Giá trị lịch sử**

- Là một bộ “ lịch sử sống” gắn với chiều dài lịch sử của dân tộc
- Là nơi giao lưu của các nền văn hóa Trung Hoa, Chăm pa....



## 2. Di sản văn hóa vật thể tiêu biểu

### \* Thánh địa Mỹ Sơn

Thời gian

- Thánh địa Mỹ Sơn là một quần thể gồm hơn 70 ngôi đền tháp, được xây dựng khoảng từ thế kỉ IV đến thế kỉ XIII.

### \* Giá trị lịch sử

- Là một bộ “ lịch sử sống” gắn với chiều dài lịch sử của dân tộc
- Là nơi giao lưu của các nền văn hóa Trung Hoa, Chăm pa....

## 3. Di sản thiên nhiên tiêu biểu

\* **Vịnh Hạ Long:** là vịnh nhỏ thuộc phần bờ tây Vịnh Bắc Bộ, bao gồm vùng biển đảo của Tp Hạ Long - Quảng Ninh. Vịnh nổi bật với hệ thống đảo đá và hang động tuyệt đẹp, chứa đựng nhiều dấu tích quan trọng trong quá trình hình thành và phát triển của trái đất.

- Lịch sử kiến tạo của địa chất đá vôi là khoảng 500 triệu năm . Vịnh có giá trị đặc biệt về phương diện thẩm mỹ, khoa học...

-Vịnh được UNESCO 2 lần ghi danh vào danh sách là Di sản thiên nhiên thế giới vào năm 1994 và năm 2000.

### \* Công viên địa chất Đăk Nông

-Nằm trải rộng trên địa bàn ở 5 huyện thuộc tỉnh Đăk Nông. Do vận động kiến tạo của lớp vỏ trái đất, nhiều núi lửa hoạt động đã hình thành nên vùng đất đỏ ba -dan màu mỡ, cùng nhiều hang động.

+ Công viên địa chất Đăk Nông nằm ở vùng đất có bề dày lịch sử, văn hóa với những giá trị văn hóa vật thể và phi vật thể, sự đa dạng sinh học, giá trị kinh tế. Được UNESCO ghi danh vào danh mục Công viên địa chất toàn cầu.

## 4. Một số di sản phức hợp tiêu biểu

\* **Quần thể danh thắng Tràng An** ( thuộc tỉnh Ninh Bình). Là một phức hợp các di sản văn hóa và thiên nhiên thế giới. Về phương diện lịch sử nơi đây là môi trường sống của người tiền sử gắn với văn hóa vùng và tâm linh và sự tồn tại của triều đại Đinh, Tiền Lê.

- Với giá trị to lớn về địa chất, lịch sử, văn hóa, kinh tế được UNESCO ghi danh vào danh mục Di sản thế giới thuộc loại hình di sản phức hợp.

\***Khu di tích -danh thắng Yên Tử** nằm ở vùng giáp ranh của 3 tỉnh là Bắc Giang, Hải Dương, Quảng Ninh. Là một di sản phức hợp, trên đỉnh núi này còn lưu dấu ấn kiến tạo vỏ trái đất cách nay 10 triệu năm .

-Yên Tử còn là nơi hội tụ khí thiêng song núi , được xem là kinh đô của Phật giáo Việt Nam nơi ra đơ Thiên phái Trúc Lâm do Phật hoàng Trần Nhân Tông sáng lập. Nơi đây lưu giữ nhiều di sản văn hóa vật thể phản ảnh về sự phát triển của các công trình kiến trúc, mỹ thuật, điêu khắc qua các thời kì.

+ Năm 2012 Quần thể di tích và danh thắng Yên Tử được Thủ tướng chính phủ công nhận là Di tích quốc gia đặc biệt.

## **CÂU HỎI LUYỆN TẬP**

Câu 1. Cho biết khái niệm di sản văn hóa ? Di sản văn hóa có ý nghĩa gì đối với dân tộc và nhân loại? Quần thể di tích cố đô Huế có phải là di sản văn hóa không? Tại sao?

Câu 2. Mục đích, ý nghĩa của việc xếp hạng di sản văn hóa.

Câu 3. Làm thế nào để bảo tồn và phát huy những giá trị của di sản văn hóa?

Câu 4. Cho biết vai trò và trách nhiệm của tổ chức và cá nhân trong công tác bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa. Em cần làm gì để gìn giữ và phát huy giá trị của các di sản.

Câu 5. Nếu là đại diện cho học sinh Việt Nam giới thiệu về một di sản nổi tiếng của VN với bạn bè quốc tế, em sẽ chọn di sản nào? Vì sao? Tìm hiểu thông tin và giới thiệu về di sản đó theo cách của em.

## **CHUYÊN ĐỀ 3: NHÀ NƯỚC VÀ PHÁP LUẬT TRONG LỊCH SỬ VIỆT NAM**

### **I. Nhà nước và pháp luật trong lịch sử Việt Nam**

#### **1. Một số mô hình nhà nước quân chủ Việt Nam**

##### **a. Nhà nước quân chủ thời Lý – Trần**

- Nhà nước quân chủ: Là nhà nước do vua đứng đầu có quyền lực tối cao. Quyền lực nhà nước tập trung thống nhất từ trung ương đến địa phương.

- **Đặc điểm:** của nhà nước quân chủ thời Lý – Trần: Là mô hình nhà nước quân chủ tập quyền thân dân.

+ Vua là người đứng đầu nhà nước, nắm giữ quyền lực tối cao.

+ Bộ máy quan lại chủ yếu là quý tộc và được tuyển chọn bằng hình thức tiến cử, hoặc khoa cử

+ **Tính chất thân dân** của nhà nước được thể hiện qua việc ban hành nhiều chính sách chăm lo đến đời sống nhân dân, giảm thuế, giảm hình phạt.....

##### **b. Nhà nước quân chủ thời Lê sơ.**

- Thời Lê sơ là mô hình nhà nước quân chủ chuyên chế tập quyền mang tính quan liêu.

+ Tập trung cao độ quyền lực vào tay vua theo quan điểm Nho giáo.

+ Vua Lê Thánh Tông đã bãi bỏ chức quan Tể tướng và một số cơ quan trung gian, quyền lực của quý tộc bị hạn chế.

+ Sáu bộ trực tiếp thi hành mệnh lệnh của vua.

+ Quan lại được tuyển dụng bằng hình thức khoa cử.

### c. Nhà nước quân chủ thời Nguyễn (1802-1945)

- Nhà nước thời Nguyễn là mô hình nhà nước quân chủ chuyên chế tập quyền cao độ với những đặc điểm sau:

+ Vua nắm giữ quyền lực tối cao, lập và trao quyền nhiều hơn cho các cơ quan giúp việc trực tiếp của vua (Nội các, Hàn lâm viện, Cơ mật viện,...) để tập trung quyền lực cho nhà vua.

+ Tăng quyền lực cho các cơ quan tư pháp và giám sát (Đô sát viện, Ngự sử đài), vua trực tiếp quản lý từ trung ương đến địa phương.

+ Ở địa phương, từ sau cải cách Minh Mạng 1831, cấp tỉnh do vua và triều đình trực tiếp quản lí

## 2. Một số bộ luật tiêu biểu trong lịch sử Việt Nam trước 1858

### a. Quốc triều hình luật

+ Khởi thảo 1428 thời Lê Thái Tổ.

+ Hoàn chỉnh 1483 Thời Lê Thánh Tông

**Cấu trúc:** + Gồm 6 cuốn , 13 chương, 722 điều.

+ Quy định luật về các lĩnh vực: Hình sự, dân sự, tố tụng, hôn nhân gia đình.

Nội dung chính: Bảo vệ lợi ích của nhà nước quân chủ ( vua, quan lại, địa chủ)

Tích cực: + Đề cao những giá trị truyền thống

+Bảo vệ quyền lợi của phụ nữ

### b. Bộ Hoàng Việt luật lệ.

-Triều đại : + Nhà Nguyễn ban hành năm 1815 thời vua Gia Lon.

- Cấu trúc: + Gồm 22 quyển, 398 điều, 7 chương.

+ Quy định luật các hình phạt, chế độ quan lại, hôn nhân

-Nội dung chính: +Bảo vệ chế độ quân chủ, quyền lợi của giai cấp thống trị

-Tích cực: + Bảo vệ trật tự xã hội, bỏ bớt 1 số cực hình

+ Bảo vệ quyền lợi của người già, trẻ em, phụ nữ.

## II. Nhà nước Việt Nam dân chủ cộng hòa 1945 đến 1976

### 1. Sự ra đời của Nhà nước Việt Nam Dân Chủ Cộng hòa

#### a. Bối cảnh ra đời

- Ngày 15/8/1945 Nhật hoàng tuyên bố đầu hàng quân đồng minh. Ở Việt Nam chính quyền tay sai của Nhật hoảng sợ, tê liệt.
- Đảng cộng sản Đông Dương đã lãnh đạo nhân dân Tổng khởi nghĩa đánh bại quân Nhật và chính quyền tay sai.
- Ngày 2/9/1945 nước Việt Nam Dân chủ cộng hòa được ra đời.

### **b. Ý nghĩa lịch sử**

- + Nước Việt Nam Dân chủ cộng hòa ra đời là kết quả của quá trình đấu tranh giành lại độc lập dân tộc.
- + Chấm dứt thời kì cai trị của Pháp và Nhật, mở ra kỉ nguyên mới của dân tộc Việt Nam. Kỉ nguyên độc lập tự do nhân dân lao động làm chủ đất nước.
- + Cổ vũ phong trào giải phóng dân tộc ở các nước châu Á, châu phi ..... phát triển.

## **2. Đặc điểm, tính chất của Nhà nước Việt Nam Dân Chủ Cộng hòa**

### **a. Đặc điểm**

- + Là nhà nước theo chế độ dân chủ cộng hòa.
- + Quyền quyết định các vấn đề quan trọng của đất nước thuộc về Quốc hội – cơ quan do toàn dân bầu ra.

### **b. Tính chất**

- Là nhà nước dân chủ kiểu mới, đại diện cho ý chí và quyền lợi của nhân dân

## **3. Vai trò của Nhà nước Việt Nam Dân Chủ Cộng hòa**

### **a. Thực hiện vai trò kháng chiến chống ngoại xâm**

- 1945-1946: xây dựng và bảo vệ chính quyền cách mạng, đấu tranh chống thù trong, giặc ngoài.
- 1946-1954: lãnh đạo cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp thắng lợi.
- 1954-1975: tổ chức kháng chiến chống Mĩ thắng lợi.

### **b. Thực hiện vai trò xây dựng đất nước.**

- 1945-1946 thực hiện các biện pháp để giải quyết nạn đói, xóa nạn mù chữ, giải quyết khó khăn tài chính.
- 1946-1954 Thực hiện cải cách ruộng đất, giảm thuế chia ruộng cho dân.
- + Xây dựng nền kinh tế kháng chiến.
- 1954-1976: miền Bắc hoàn thành cải cách ruộng đất, bước đầu xây dựng chủ nghĩa xã hội.
- + Làm hậu phương chi viện cho miền Nam kháng chiến chống Mĩ.
- + Miền Nam chiến đấu chống Mĩ thắng lợi, thống nhất đất nước.

## **III. Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam từ 1976 đến nay**

## **1. Sự ra đời của Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam**

### **a. Bối cảnh ra đời**

- Sau thắng lợi ngày 30/4/1975 đất nước hoàn toàn giải phóng, lãnh thổ được thống nhất.
- + Ở 2 miền vẫn tồn tại 2 tổ chức nhà nước khác nhau → thực tế đó đặt ra yêu cầu là phải thống nhất đất nước về mặt nhà nước.

### **b. Quá trình thống nhất đất nước.**

- Ngày 25/4/1976, nhân dân cả nước tham gia cuộc Tổng tuyển cử bầu quốc hội khóa.
- Từ 24/6- 3/7/1976 Quốc hội họp đã quyết định đổi tên nước thành nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

### **c. Ý nghĩa lịch sử**

- Nhà nước Cộng hòa XHCN Việt Nam ra đời đã hoàn thành thống nhất đất về mặt nhà nước.
- Là điều kiện thuận lợi để thống nhất ở các lĩnh vực kinh tế, văn hóa... tăng cường sức mạnh và hội nhập quốc tế.

## **2. Vai trò của Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam**

### **a. Vai trò trong quá trình đổi mới (1986- đến nay).**

- Nhà nước ban hành nhiều chính sách để phát triển kinh tế nhiều thành phần theo định hướng XHCN.
- + Đẩy mạnh cải cách hành chính, hệ thống luật pháp, tăng cường áp dụng KHKT vào sản xuất.

### **b. Vai trò trong quá trình hội nhập quốc tế.**

- Thực hiện đường lối ngoại giao rộng mở, tăng cường hợp tác song phương, đa phương toàn diện nâng cao vị thế của Việt Nam trong quan hệ quốc tế.

## **IV. Một số bản hiến pháp của Việt Nam từ 1946 đến nay**

### **1. Sự ra đời một số bản hiến pháp từ 1946 đến nay.**

#### **a. Bối cảnh ra đời các bản hiến pháp Việt Nam.**

- Từ năm 1946 đến nay Nhà nước Việt Nam đã ban hành 5 bản Hiến pháp vào các năm 1946, 1959, 1980, 1992 và 2013.
- Hiến pháp năm 1946 ra đời trong bối cảnh Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa mới thành lập, xây dựng nền dân chủ nhân dân là nhiệm vụ cấp bách.
- Hiến pháp năm 1959 ra đời trong bối cảnh đất nước thực hiện 2 nhiệm vụ chiến lược là xây dựng CNXH ở miền Bắc và làm cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở miền Nam.
- Hiến pháp 1980 ra đời khi đất nước đã thống nhất, cả nước bước vào thời kì quá độ xây dựng chủ nghĩa xã hội.

- Hiến pháp năm 1992 được sửa đổi từ Hiến pháp năm 1980 để đáp ứng yêu cầu của công cuộc đổi mới đất nước mà Việt Nam thực hiện từ năm 1986.
- Hiến pháp năm 2013 ra đời đáp ứng yêu cầu xây dựng, bảo vệ, phát triển của đất nước và hội nhập quốc tế của Việt Nam

## **2. Một số điểm chung các bản Hiến pháp Việt Nam.**

- Các bản Hiến pháp quy định những vấn đề cơ bản và quan trọng nhất của đất nước như: chế độ chính trị, bản chất nhà nước, chính sách phát triển kinh tế, quyền con người.....

## **3. Một số bản Hiến pháp tiêu biểu**

### **a. Hiến pháp năm 1946**

- Hiến pháp năm 1946 gồm 7 chương, 70 điều.
- + Ghi nhận thành quả của Cách mạng tháng 8/1945.
- + Quy định nước Việt Nam là một nước dân chủ cộng hòa.
- + Quy định cơ cấu tổ chức bộ máy nhà nước gồm Nghị viên nhân dân (Quốc hội), chính phủ, Hội đồng nhân dân ....
- + Quy định quyền bình đẳng và nghĩa vụ công dân.

### **\* Ý nghĩa của Hiến pháp năm 1946**

- Hiến pháp năm 1946 ra đời khẳng định chủ quyền, độc lập và toàn vẹn lãnh thổ của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, đặt nền móng cho việc tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước kiểu mới- VN Dân chủ Cộng hòa.

### **b. Hiến pháp năm 1992**

- Là bản Hiến pháp đầu tiên của thời kì đổi mới.
- Hiến pháp quy định cụ thể chế độ chính trị, nguyên tắc tổ chức và hoạt động của các cơ quan nhà nước.

### **c. Hiến pháp năm 2013**

- Là bản hiến pháp thứ 2 của thời kì đổi mới, nhằm thực hiện mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ công bằng, văn minh.
- Hiến pháp 2013 có một số điểm mới, thể hiện sự tiến bộ:
  - **Về tư tưởng dân chủ** được cụ thể hóa, đó là cơ chế dân chủ trực tiếp, dân chủ đại diện.
  - + Mở rộng quyền con người và quyền công dân; các cơ quan nhà nước, cán bộ, công chức, viên chức phải chịu sự giám sát của nhân dân.
  - Về cơ cấu nhà nước:** quy định rõ hơn thẩm quyền của các cơ quan nhà nước ở trung ương và địa phương.

- + Xác định rõ tính phân quyền giữa cơ quan lập pháp, hành pháp, tư pháp.
- + Bổ sung quyền hạn của Quốc hội, Chủ tịch nước, chính phủ và cơ quan tư pháp.
- Kĩ thuật lập hiến: cấu trúc chặt chẽ, gồm 11 chương 120 điều; các điều luật được trình bày diễn đạt cô đọng, súc tích theo ngôn ngữ pháp lí.

### **CÂU HỎI LUYỆN TẬP**

- Câu 1. Hãy nêu đặc điểm mô hình nhà nước thời Lý - Trần.
- Câu 2. Hãy nêu đặc điểm mô hình nhà nước thời Lê sơ. Rút ra nhận xét về mô hình nhà nước này.
- Câu 3. Cho biết hoàn cảnh ra đời, nội dung và ý nghĩa của Quốc triều hình luật.
- Câu 4. Vì sao nói Quốc triều hình luật là một thành tựu lớn trong lịch sử luật pháp Đại Việt?
- Câu 5. Nêu bối cảnh ra đời nhà nước Việt Nam dân chủ Cộng hòa. Hãy cho từ 1945 đến 1975 nhà nước đã thực hiện được những vai trò gì?
- Câu 6. Hãy chỉ ra những thành tựu nổi bật của Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong quá trình lãnh đạo đổi mới đất nước và hội nhập quốc tế từ 1986 đến nay.
- Câu 7. Nêu bối cảnh ra đời và một số nội dung chính của bản hiến pháp năm 1946. Rút ra ý nghĩa, tác dụng của bản hiến pháp này.
- Câu 8. Nêu và phân tích một số điểm mới của bản hiến pháp 2013.
-